

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: *43* /2012/TT-BCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày *27* tháng 12 năm 2012

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 888/TTg-KTN ngày 31 tháng 5 năm 2010 về việc tăng cường quản lý các dự án thủy điện;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch thủy điện, quản lý đầu tư xây dựng dự án thủy điện và quản lý vận hành khai thác công trình thủy điện trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động liên quan đến quy hoạch thủy điện, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Quy hoạch bậc thang thủy điện: Là quy hoạch xác định các dự án thủy điện có thể đầu tư xây dựng với công suất lắp máy lớn hơn 30 MW trên một dòng sông hoặc hệ thống các dòng sông của một lưu vực sông.

2. Quy hoạch thủy điện nhỏ: Là quy hoạch xác định các dự án thủy điện có thể đầu tư xây dựng với công suất lắp máy đến 30 MW trên các sông, suối của lưu vực sông.

3. Quy hoạch thủy điện tích năng: Là quy hoạch xác định các vị trí có thể xây dựng được nhà máy thủy điện tích năng nhằm cung cấp công suất phủ đỉnh biểu đồ phụ tải của hệ thống điện quốc gia.

4. Dự án thủy điện đa mục tiêu là các dự án thủy điện ngoài nhiệm vụ chính là phát điện còn kết hợp nhiệm vụ điều tiết bổ sung lưu lượng về mùa kiệt và/hoặc cắt giảm lũ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực hạ du.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ QUY HOẠCH THỦY ĐIỆN

Điều 3. Quy hoạch thủy điện

1. Quy hoạch thủy điện bao gồm quy hoạch bậc thang thủy điện, quy hoạch thủy điện tích năng và quy hoạch thủy điện nhỏ.

2. Quy hoạch bậc thang thủy điện được lập thống nhất cho từng lưu vực sông, không chia cắt theo địa giới hành chính. Đối với các lưu vực sông đã phê duyệt quy hoạch bậc thang thủy điện trên dòng sông chính, cho phép lập quy hoạch bậc thang thủy điện trên các dòng sông nhánh nhưng phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch bậc thang thủy điện trên dòng sông chính.

3. Quy hoạch thủy điện tích năng được lập cho phạm vi toàn quốc hoặc theo từng vùng, miền của hệ thống điện quốc gia.

4. Quy hoạch thủy điện nhỏ được lập theo địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh).

Điều 4. Nguyên tắc lập quy hoạch thủy điện

1. Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về xây dựng, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát triển rừng và các quy định khác có liên quan.

2. Đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch ngành thủy lợi, quy hoạch phát triển điện lực và các chiến lược, quy hoạch khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quy hoạch thủy điện nhỏ phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch bậc thang thủy điện và quy hoạch thủy điện tích năng đã được phê duyệt; quy hoạch thủy điện tích năng phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch bậc thang thủy điện đã được phê duyệt.

Điều 5. Lập quy hoạch thủy điện

1. Quy hoạch thủy điện được lập 01 lần và có thể được điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ.

2. Quy hoạch thủy điện phải do cơ quan tư vấn có chức năng và đủ năng lực theo quy định của pháp luật lập.

3. Thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch thủy điện:

a) Tổng cục Năng lượng tổ chức lập quy hoạch bậc thang thủy điện và quy hoạch thủy điện tích năng trong phạm vi cả nước.

b) UBND tỉnh tổ chức lập quy hoạch thủy điện nhỏ trên địa bàn. Đối với dự án thủy điện nhỏ nằm trên địa bàn từ 2 tỉnh trở lên, UBND tỉnh nơi dự kiến bố trí nhà máy thủy điện thống nhất với UBND các tỉnh có liên quan để tổ chức lập quy hoạch. Trường hợp UBND các tỉnh liên quan không thống nhất, UBND tỉnh nơi dự kiến bố trí nhà máy thủy điện có văn bản báo cáo Bộ Công Thương xem xét giải quyết.

Điều 6. Nội dung, hồ sơ quy hoạch thủy điện

1. Nội dung quy hoạch bậc thang thủy điện và quy hoạch thủy điện nhỏ thực hiện theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này và phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Cập nhật quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng dự án; hiện trạng và quy hoạch các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước có liên quan trên lưu vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Điều tra, khảo sát, đánh giá đầy đủ các điều kiện tự nhiên (địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn, động đất kiến tạo), dân sinh, kinh tế - xã hội, giao thông vận tải, công trình lưới điện...trong khu vực nghiên cứu quy hoạch.

c) Đánh giá sự phù hợp, ảnh hưởng của các dự án thủy điện đề xuất quy hoạch đối với các quy hoạch và dự án có liên quan khác trên lưu vực.

d) Nghiên cứu các phương án sơ đồ và quy mô khai thác; đánh giá hiệu quả kinh tế - năng lượng của các dự án đề xuất để kiến nghị phương án quy hoạch.

đ) Đánh giá môi trường chiến lược theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường (Nghị định số 29/2011/NĐ-CP).

e) Khảo sát, đánh giá sơ bộ về ảnh hưởng của các dự án đề xuất quy hoạch đối với dân cư, đất đai, nhu cầu khai thác và sử dụng nước phía hạ lưu. Ngoại trừ các dự án thủy điện đa mục tiêu, các dự án khác được đề xuất quy hoạch phải đảm bảo không chiếm dụng quá 10 ha đất các loại hoặc không di dời quá 01 hộ dân với 01 MW công suất lắp máy.

g) Sơ bộ đánh giá và kiến nghị giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đối với môi trường - xã hội như: xả dòng chảy tối thiểu cho hạ du; bồi thường, hỗ trợ, di dân, tái định cư; trồng hoàn trả diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng cho dự án.

h) Xếp hạng thứ tự ưu tiên đầu tư xây dựng các dự án kiến nghị trên cơ sở các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và tác động môi trường - xã hội của từng dự án.

2. Nội dung quy hoạch thủy điện tích năng bao gồm:

a) Các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này.

b) Cập nhật kết quả dự báo cung - cầu điện và các biểu đồ phụ tải của hệ thống điện trong nghiên cứu quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đã được phê duyệt; cập nhật hiện trạng vận hành của các nhà máy điện và tiến độ đầu tư xây dựng các dự án điện có liên quan của hệ thống điện.

c) Phân tích, đánh giá sự cần thiết và quy mô của các dự án thủy điện tích năng trong việc phát điện phủ đỉnh biểu đồ phụ tải của hệ thống điện quốc gia.

3. Hồ sơ quy hoạch thủy điện bao gồm bản in trên giấy có đóng dấu của cơ quan tư vấn lập quy hoạch theo đúng quy định và đĩa CD bao gồm đầy đủ các nội dung quy hoạch nêu tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này (sau đây gọi là bộ hồ sơ quy hoạch thủy điện).

Điều 7. Thẩm định phê duyệt quy hoạch thủy điện

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch thủy điện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư này trình Bộ Công Thương xem xét phê duyệt quy hoạch, kèm theo 01 bộ hồ sơ quy hoạch thủy điện.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản trình duyệt và bộ hồ sơ quy hoạch thủy điện, Bộ Công Thương tổ chức thẩm định và có văn bản kèm theo 01 bản sao bản in của hồ sơ quy hoạch gửi các cơ quan, đơn vị liên quan để lấy ý kiến về quy hoạch thủy điện theo quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị liên quan được lấy ý kiến về quy hoạch thủy điện nêu tại khoản 2 Điều này gồm:

a) Đối với quy hoạch bậc thang thủy điện và quy hoạch thủy điện tích năng: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Quốc phòng, UBND các tỉnh khu vực dự án và các cơ quan, đơn vị liên quan khác (nếu cần thiết).

b) Đối với quy hoạch thủy điện nhỏ: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan khác (nếu cần thiết).

4. Nội dung thẩm định, góp ý kiến về quy hoạch thủy điện phải bao gồm:

a) Sự phù hợp của đề xuất quy hoạch thủy điện với các dự án, công trình hiện có và chiến lược, quy hoạch liên quan khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Mức độ tin cậy, đáp ứng yêu cầu chất lượng của các tài liệu, số liệu được sử dụng để lập quy hoạch.

c) Sự phù hợp về mặt kỹ thuật, hiệu quả kinh tế của hệ thống bậc thang và của từng dự án đề xuất quy hoạch.

d) Đánh giá các tác động và các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường - xã hội của các dự án đề xuất quy hoạch.

đ) Sự phù hợp của tiến độ đầu tư xây dựng các dự án kiến nghị trong quy hoạch với hiện trạng công trình lưới điện và quy hoạch phát triển điện lực trên địa bàn.

5. Các cơ quan, đơn vị liên quan được lấy ý kiến về quy hoạch thủy điện có trách nhiệm trả lời Bộ Công Thương trong thời hạn nêu tại văn bản lấy ý kiến. Quá thời hạn nêu trên, nếu các cơ quan, đơn vị nào không có ý kiến thì được coi như đã đồng ý với nội dung quy hoạch.

6. Sau khi có kết quả thẩm định và văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan về quy hoạch thủy điện, trong thời gian 05 ngày làm việc, Bộ Công Thương có văn bản tổng hợp ý kiến thẩm định, gửi cơ quan trình duyệt quy hoạch để phối hợp với cơ quan tư vấn lập quy hoạch nghiên cứu hoàn chỉnh nội dung và hồ sơ quy hoạch thủy điện.

7. Cơ quan trình duyệt quy hoạch có trách nhiệm báo cáo giải trình, tiếp thu các ý kiến thẩm định nêu tại khoản 6 Điều này, gửi Bộ Công Thương kèm theo hồ sơ quy hoạch đã sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan để xem xét phê duyệt quy hoạch thủy điện.

Điều 8. Phê duyệt quy hoạch thủy điện

1. Quy hoạch thủy điện được phê duyệt phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có đủ hồ sơ và nội dung quy hoạch theo quy định.

b) Phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, dự án và công trình có liên quan.

c) Các tài liệu, số liệu, kết quả tính toán, phân tích trong quy hoạch đảm bảo chất lượng và độ chính xác.

d) Khai thác hợp lý nguồn thủy năng của lưu vực nghiên cứu, giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với môi trường - xã hội, đạt được lợi ích cao nhất cho xã hội và nhà nước.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và hồ sơ quy hoạch nêu tại khoản 7 Điều 7 của Thông tư này, Bộ Công Thương xem xét và có quyết định phê duyệt quy hoạch thủy điện nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 8 Điều này hoặc có văn bản trả lời cơ quan trình duyệt quy hoạch về lý do quy hoạch thủy điện không (hoặc chưa) được phê duyệt.

3. Nội dung chính phê duyệt quy hoạch thủy điện bao gồm:

a) Thông tin về vị trí dự kiến xây dựng công trình (tọa độ địa lý, tên xã - huyện - tỉnh, tên sông - suối), sơ đồ khai thác, các nhiệm vụ và thông số kỹ thuật chính (diện tích lưu vực đến tuyến đập F_{lv} , mực nước dâng bình thường MNDBT, mực nước chết MNC, dung tích phòng lũ W_{pl} (nếu có), mực nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất $MNHL_{min}$, công suất lắp máy N_{lm} và điện lượng bình quân năm E_o) của các dự án.

b) Những vấn đề kinh tế - kỹ thuật, môi trường - xã hội của các dự án cần tiếp tục quan tâm thực hiện trong quá trình nghiên cứu đầu tư xây dựng.

c) Tiến độ dự kiến hoặc thứ tự ưu tiên đầu tư xây dựng các dự án.

4. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi phê duyệt quy hoạch thủy điện, Bộ Công Thương gửi 01 bản gốc quyết định phê duyệt kèm theo 01 bản sao hồ sơ quy hoạch hoàn chỉnh cho UBND tỉnh và Sở Công Thương khu vực có dự án thủy điện; gửi 01 bản gốc quyết định phê duyệt đến Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 9. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy điện

1. Quy hoạch thủy điện được điều chỉnh, bổ sung trong các trường hợp sau:

a) Điều chỉnh nội dung phê duyệt quy hoạch nêu tại điểm a khoản 3 Điều 8 của Thông tư này đối với các dự án thuộc quy hoạch thủy điện đã được phê duyệt nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường - xã hội hoặc để phù hợp với quy hoạch khác có liên quan.

b) Bổ sung các dự án vào quy hoạch thủy điện đã được phê duyệt.

2. Việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy điện thực hiện như sau:

a) Đối với các dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Chủ đầu tư dự án trình Bộ Công Thương xem xét phê duyệt điều chỉnh quy hoạch kèm theo Báo cáo điều chỉnh quy hoạch với nội dung theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này hoặc hồ sơ Dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định. Việc thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 6, khoản 7 Điều 7 và Điều 8 của Thông tư này. Việc lấy ý kiến (nếu cần thiết) và trả lời ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan về nội dung điều chỉnh quy hoạch của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 7 của Thông tư này.

b) Đối với các dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều này: Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Thông tư này.

Điều 10. Công bố quy hoạch thủy điện

1. Quy hoạch thủy điện phải được công bố trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phê duyệt để các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan biết, triển khai thực hiện.

2. Bộ Công Thương công bố và hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch bậc thang thủy điện và quy hoạch thủy điện tích năng trên toàn quốc đã được phê duyệt.

3. UBND tỉnh công bố và hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt.

Điều 11. Kinh phí lập, thẩm định phê duyệt và công bố quy hoạch thủy điện

1. Kinh phí cho việc lập, thẩm định phê duyệt và công bố quy hoạch thủy điện (kể cả điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy điện) được cân đối trong kế hoạch ngân sách hàng năm và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Bộ Công Thương đăng ký ngân sách trung ương theo kế hoạch năm phục vụ việc lập, thẩm định phê duyệt, công bố các quy hoạch bậc thang thủy điện và quy hoạch thủy điện tích năng; UBND tỉnh đăng ký ngân sách của tỉnh theo kế hoạch năm phục vụ việc lập, thẩm định phê duyệt và công bố quy hoạch thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh.

3. Việc quản lý, sử dụng kinh phí tại khoản 1 Điều này thực hiện theo đúng các quy định liên quan của pháp luật.

4. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư kinh phí và tham gia tổ chức lập quy hoạch thủy điện để phát triển nguồn thủy điện sau khi được cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư này chấp thuận. khoản kinh phí này được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành về đơn giá, định mức chi phí cho công tác quy hoạch phát triển điện lực.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN THỦY ĐIỆN

Điều 12. Nguyên tắc quản lý đầu tư xây dựng dự án thủy điện

1. Việc đầu tư xây dựng các dự án thủy điện phải đảm bảo: tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan khác; tuân thủ quy hoạch thủy điện và phù hợp quy hoạch phát triển điện lực được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trường hợp dự án thuộc quy hoạch thủy điện nhưng chưa có trong quy hoạch phát triển điện lực hoặc chưa phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực thì cơ quan có thẩm quyền cho phép đầu tư phải lấy ý kiến của Bộ Công Thương về sự phù hợp của dự án với quy hoạch phát triển điện lực trước khi xem xét cho phép đầu tư.

3. Mọi thay đổi về tư cách pháp nhân của chủ đầu tư, quy mô, nhiệm vụ, tiến độ của dự án thủy điện trong quá trình đầu tư xây dựng phải được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan cho phép bằng văn bản trước khi triển khai thực hiện.

Điều 13. Các yêu cầu đối với Chủ đầu tư dự án thủy điện

1. Là doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và có ngành nghề kinh doanh đầu tư xây dựng dự án thủy điện.

2. Có đủ năng lực tài chính để thực hiện dự án: Nhà đầu tư phải đảm bảo vốn chủ sở hữu đạt tối thiểu 30% Tổng mức đầu tư dự án và được các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, ngân hàng cam kết bằng văn bản cho vay phần vốn đầu tư còn lại. Nhà đầu tư phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn Chủ đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 15 của Thông tư này về kế hoạch bố trí các nguồn vốn đầu tư dự án, đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện dự án.

3. Nhà đầu tư hiện không là Chủ đầu tư một dự án khác đang chậm triển khai hoặc chậm tiến độ quá 12 tháng so với quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư, trừ trường hợp được tạm ngừng hoặc giãn tiến độ thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư. Nhà đầu tư phải cung cấp bản sao các hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các dự án mà mình làm Chủ đầu tư cho cơ quan có thẩm quyền cho phép đầu tư xem xét và phải chịu trách nhiệm về sự chính xác các thông tin này.

Điều 14. Kế hoạch thực hiện đầu tư xây dựng các dự án thủy điện

1. Kế hoạch thực hiện đầu tư xây dựng các dự án thủy điện (gồm tiến độ khởi công xây dựng, vận hành phát điện và hoàn thành công trình) là cơ sở cho phép triển khai thực hiện các dự án.

2. Kế hoạch thực hiện đầu tư xây dựng các dự án thủy điện phải đảm bảo phù hợp với:

a) Quy hoạch phát triển điện lực được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, phụ tải và công trình lưới điện có liên quan trong khu vực.

3. Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, UBND tỉnh trình Bộ Công Thương xem xét phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng các dự án thủy điện trên địa bàn trong năm tiếp theo. Trường hợp dự án nằm trên địa bàn từ 2 tỉnh trở lên, UBND tỉnh có nhà máy thủy điện chủ trì, thống nhất với UBND các tỉnh có liên quan để trình Bộ Công Thương phê duyệt.

Điều 15. Lựa chọn Chủ đầu tư dự án thủy điện

1. Việc lựa chọn Chủ đầu tư dự án thủy điện phải đảm bảo:

a) Tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, đấu thầu và các quy định có liên quan khác.

b) Lựa chọn được nhà đầu tư có năng lực và kinh nghiệm cao nhất để thực hiện đầu tư dự án đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đối với môi trường - xã hội.

2. Việc lựa chọn Chủ đầu tư dự án thủy điện thực hiện như sau:

a) Đối với các dự án thuộc danh mục nguồn điện trong quy hoạch phát triển điện lực quốc gia nhưng chưa xác định Chủ đầu tư: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực quốc gia của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, cơ quan có thẩm quyền lựa chọn Chủ đầu tư phải lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan để xem xét trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Chủ đầu tư dự án.

b) Đối với các dự án khác: UBND tỉnh có dự án tổ chức lựa chọn Chủ đầu tư; lấy ý kiến của Bộ Công Thương về sự phù hợp của dự án với quy hoạch và việc đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư; lấy ý kiến của các cơ quan liên quan khác để xem xét phê duyệt.

3. Trường hợp dự án nằm trên địa bàn nhiều tỉnh, UBND tỉnh nơi đặt nhà máy thủy điện chủ trì, lấy ý kiến của Bộ Công Thương, UBND các tỉnh có liên quan và các cơ quan khác theo đúng quy định để lựa chọn Chủ đầu tư.

4. Các cơ quan được lấy ý kiến nêu tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này có trách nhiệm trả lời cơ quan lấy ý kiến trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị góp ý kiến. Quá thời hạn nêu trên, nếu các cơ quan liên quan không có ý kiến thì được coi như đã đồng ý với cơ quan lấy ý kiến về việc lựa chọn Chủ đầu tư dự án.

5. Khuyến khích lựa chọn một Chủ đầu tư để thực hiện cụm các dự án thủy điện có quan hệ điều tiết dòng chảy hoặc sử dụng chung công trình lưới điện truyền tải công suất của các nhà máy thủy điện.

6. Doanh nghiệp đã đầu tư kinh phí và tham gia tổ chức lập quy hoạch thủy điện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Thông tư này được ưu tiên xem xét giao làm Chủ đầu tư một số dự án thủy điện trong nghiên cứu quy hoạch đó nếu đăng ký đầu tư và đáp ứng các yêu cầu theo quy định.

Điều 16. Lập Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện

1. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép đầu tư theo đúng quy định hiện hành, Chủ đầu tư dự án thủy điện mới được tổ chức lập Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện (sau đây gọi tắt là Dự án đầu tư).

2. Nội dung Dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và phải thực hiện các nội dung sau:

a) Điều tra, khảo sát, đánh giá kỹ các điều kiện tự nhiên (địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn, động đất kiến tạo), dân sinh, kinh tế - xã hội, giao thông vận tải, công trình lưới điện...trong khu vực.

b) Cập nhật hiện trạng và quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước có liên quan trên lưu vực, làm cơ sở tính toán xác định các đặc trưng thủy văn thiết kế và quan hệ lưu lượng - mực nước tại các tuyến nghiên cứu.

c) Tính toán xác định dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi (Nghị định số 112/2008/NĐ-CP) và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có biện pháp công trình đảm bảo xả dòng chảy tối thiểu cho hạ du.

d) Phân tích, so sánh các phương án để lựa chọn tuyến công trình, mực nước dâng bình thường MNDBT, mực nước chết MNC, công suất lắp máy N_{lm} , số tổ máy, kết cấu đập dâng, quy mô và kết cấu đập tràn, giải pháp tiêu năng, phương án đấu nối nhà máy thủy điện với hệ thống điện, đảm bảo nâng cao hiệu quả đầu tư và giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường - xã hội.

đ) Đánh giá ảnh hưởng của dự án đến an toàn, điện lượng, năng lực khai thác của các công trình, dự án liên kề trên lưu vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Tính toán an toàn ổn định, độ bền, chống thấm, chế độ thủy lực... của các hạng mục công trình chính như đập dâng, đập tràn, cửa lấy nước, đường hầm, kênh dẫn nước, bể áp lực, tháp điều áp, đường ống áp lực, nhà máy thủy điện, kênh xả, các mái đào hố móng trong mọi điều kiện làm việc của công trình.

g) Bố trí đầy đủ các thiết bị quan trắc sự làm việc của công trình và nền theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04-05:2012/BNNPTNT (Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế) và Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8215:2009 (Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế bố trí thiết bị quan trắc cụm công trình đầu mối).

h) Lập phương án đấu nối nhà máy thủy điện với hệ thống điện quốc gia, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực, quy hoạch đấu nối các nhà máy thủy điện vào hệ thống điện quốc gia đã được phê duyệt; có văn bản thỏa thuận của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về phương án kỹ thuật đấu nối, các thiết bị đo lường, điều khiển, bảo vệ... của công trình đấu nối điện.

i) Lập phương án giao thông phục vụ thi công xây dựng và vận hành khai thác công trình thủy điện, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông trong khu vực; lập phương án tổ chức thi công và tiến độ đầu tư xây dựng công trình đảm bảo an toàn, hiệu quả và đáp ứng tiến độ phát điện theo quy định.

k) Đánh giá kỹ các tác động của dự án đối với môi trường trong khu vực theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP. Trong đó, phải điều tra cụ thể diện tích chiếm dụng đất các loại (đất ở, đất trồng lúa, đất trồng màu, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất, đất sông suối...) của công trình thủy điện, công trình phục vụ thi công xây dựng, vận hành khai thác, các khu và/hoặc điểm tái định cư, khu vực trồng hoàn trả diện tích rừng phải chuyển đổi mục đích sử dụng cho dự án.

l) Có văn bản thống nhất chủ trương của các cơ quan có thẩm quyền liên quan về việc chuyển đổi mục đích sử dụng các loại đất cho dự án.

m) Lấy ý kiến của UBND các tỉnh có liên quan về các giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường - xã hội như: công tác bồi thường, hỗ

trợ, di dân, tái định cư; trồng rừng mới thay thế diện tích rừng sẽ chuyển mục đích sử dụng cho dự án; hoàn trả mặt bằng sau khi xây dựng công trình.

n) Đánh giá các hiệu ích kết hợp khác của dự án như: cắt giảm lũ, tạo nguồn cấp nước cho hạ du; phát triển du lịch, giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản; số lao động có việc làm trong quá trình đầu tư, xây dựng và vận hành khai thác công trình.

o) Có phương án bố trí vốn đầu tư phù hợp với tiến độ đầu tư xây dựng công trình; phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính của dự án.

Điều 17. Thẩm định, phê duyệt Dự án đầu tư thủy điện

1. Việc thẩm định, phê duyệt Dự án đầu tư thủy điện thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

2. Đơn vị đầu mỗi thẩm định dự án có trách nhiệm lấy ý kiến của cơ quan quản lý ngành, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng và các cơ quan liên quan khác về Dự án đầu tư và Thiết kế cơ sở để thẩm định dự án theo đúng quy định.

3. Trường hợp kết quả nghiên cứu Dự án đầu tư có kiến nghị khác với nội dung phê duyệt quy hoạch của dự án quy định tại điểm a khoản 10 Điều 7 của Thông tư này, Chủ đầu tư phải trình Bộ Công Thương xem xét phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thủy điện theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 8 của Thông tư này trước khi phê duyệt đầu tư dự án.

4. Nội dung thẩm định, góp ý về Dự án đầu tư hoặc Thiết kế cơ sở của các cơ quan, đơn vị liên quan nêu tại khoản 2 Điều này phải bao gồm:

a) Chất lượng, độ tin cậy của các tài liệu, số liệu về khí tượng, thủy văn, địa hình, địa chất...sử dụng trong tính toán thiết kế dự án.

b) Sự phù hợp của phương án bố trí tổng thể công trình, kết cấu và thông số chính của hồ chứa, đập dâng, đập tràn, công trình tiêu năng, cửa nhận nước, đường hầm, kênh dẫn, đường ống áp lực, bể áp lực, tháp điều áp, kênh xả, các mái dốc đào, thiết bị cơ khí thủy công, thiết bị điện...

c) Sự phù hợp của các thông số năng lượng (công suất lắp máy N_{lm} , công suất đảm bảo N_{db} , điện lượng bình quân năm E_0) và phương án đấu nối với hệ thống điện của dự án.

d) Sự phù hợp của thiết kế dự án với các quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng, môi trường, phòng cháy, chữa cháy...được phép áp dụng.

5. Người quyết định đầu tư dự án thủy điện chỉ được phê duyệt Dự án đầu tư sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận các nội dung sau:

a) Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định.

b) Phương án hoặc dự án bồi thường, hỗ trợ, di dân, tái định cư theo quy định.

6. Sau khi phê duyệt Dự án đầu tư, Chủ đầu tư phải gửi 01 bộ hồ sơ hoàn chỉnh (gồm 01 bản in và 01 đĩa CD ghi nội dung hồ sơ) kèm theo 01 bản gốc Quyết định phê duyệt cho Bộ Công Thương, UBND tỉnh và Sở Công Thương khu vực dự án để theo dõi, kiểm tra, chỉ đạo việc thực hiện dự án.

Điều 18. Lập, thẩm định, phê duyệt Thiết kế xây dựng công trình thủy điện

1. Chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật (đối với dự án yêu cầu thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (đối với dự án yêu cầu thiết kế 2 bước) của dự án theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và chịu trách nhiệm về các nội dung phê duyệt.

2. Nội dung thiết kế kỹ thuật (đối với dự án yêu cầu thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (đối với dự án yêu cầu thiết kế 2 bước) của dự án phải đảm bảo phù hợp với Thiết cơ sở trong Dự án đầu tư được phê duyệt. Trường hợp có nội dung thay đổi, Chủ đầu tư phải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Thông tư này về các nội dung thay đổi để phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư trước khi phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công.

Điều 19. Khởi công xây dựng công trình thủy điện

Chủ đầu tư dự án chỉ được khởi công xây dựng công trình khi có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 72 của Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Đầu tư xây dựng công trình đấu nối điện và truyền tải công suất của nhà máy thủy điện

Việc đầu tư xây dựng công trình đấu nối với lưới điện và truyền tải công suất của nhà máy thủy điện thực hiện theo quy định tại Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết về việc thực hiện Luật Điện lực có liên quan. Riêng đối với các dự án thủy điện có công suất lắp máy từ 30 MW trở xuống, Chủ đầu tư phải đầu tư xây dựng đường dây đấu nối từ nhà máy đến vị trí bán điện theo thỏa thuận với bên mua điện. Trường hợp không thỏa thuận được, Chủ đầu tư trình Bộ Công Thương xem xét phê duyệt để triển khai thực hiện. Các chi phí đầu tư liên quan được tính toán vào giá bán điện theo quy định.

Điều 21. Quản lý thi công xây dựng công trình thủy điện

1. Quản lý chất lượng công trình thủy điện thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, trong đó phải đặc biệt quan tâm quản lý chất lượng của đập dâng, đập tràn, các cửa van đập tràn, các cống xả qua thân đập, cửa lấy nước, đường hầm dẫn nước, đường ống áp lực, cầu máng trên kênh dẫn nước và nhà máy thủy điện.

2. Các nội dung quản lý khác về thi công xây dựng công trình thủy điện thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

3. Việc kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình xây dựng. Trong đó, bắt buộc phải thực hiện kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực trước khi đưa vào sử dụng đối với các hạng mục mà khi xảy ra sự cố do mất khả năng chịu lực có thể gây thảm họa đối với người, tài sản và môi trường (bao gồm đập dâng, đập tràn, các cửa van đập tràn, các cống xả qua thân đập, cửa lấy nước, đường hầm dẫn nước, đường ống áp lực, cầu máng trên kênh dẫn nước, nhà máy thủy điện...) của công trình thủy điện.

Điều 22. Giám sát, đánh giá đầu tư xây dựng dự án thủy điện

Việc giám sát, đánh giá đầu tư dự án thủy điện thực hiện theo quy định tại Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư; Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng; các Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 13/2010/TT-BKH ngày 02 tháng 6 năm 2010 quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư, số 22/2010/TT-BKH ngày 02 tháng 12 năm 2010 quy định về định mức chi phí giám sát, đánh giá đầu tư, số 23/2010/TT-BKH ngày 13 tháng 12 năm 2010 quy định về điều kiện năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Xử lý đối với các dự án thủy điện thực hiện chậm tiến độ

1. Đối với các dự án thủy điện đã cho phép đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà sau 12 tháng nhà đầu tư không triển khai hoặc không có khả năng thực hiện đúng tiến độ đã quy định (trừ các dự án được tạm ngừng hoặc giãn tiến độ thực hiện), phải thu hồi dự án để giao Chủ đầu tư khác theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Việc giao Chủ đầu tư khác đối với dự án phải thu hồi thực hiện như sau:

a) Đối với các dự án thuộc quy hoạch phát triển điện lực quốc gia: UBND tỉnh có dự án báo cáo Bộ Công Thương để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

b) Đối với các dự án khác: UBND tỉnh quyết định thu hồi và lựa chọn Chủ đầu tư khác theo quy định hiện hành và các nội dung quy định có liên quan tại Điều 14 của Thông tư này.

CHƯƠNG IV

QUẢN LÝ VẬN HÀNH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

Điều 24. Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

1. Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi hồ chứa tích nước hồ chứa lần đầu, trên cơ sở kết quả nghiên cứu đầu tư và thiết kế xây dựng công trình, theo đúng quy định tại Nghị định số 112/2008/NĐ-CP và Quyết định số 285/2006/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về nội dung thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

2. Việc lập quy trình vận hành hồ chứa do Chủ đầu tư dự án chủ trì, phối hợp với cơ quan tư vấn có chức năng thiết kế dự án thủy điện phù hợp thực hiện.

3. Quy trình vận hành hồ chứa phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) An toàn cho công trình với mọi trận lũ có quy mô nhỏ hơn hoặc bằng lũ kiểm tra của công trình theo quy định.

b) Vận hành điều tiết, xả lũ đảm bảo an toàn cho hạ du.

c) Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của dự án.

d) Tuân thủ quy trình vận hành liên hồ chứa được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

đ) Giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án đối với môi trường - xã hội.

e) Nâng cao hiệu quả khai thác thủy năng của công trình.

4. Nội dung chính của quy trình vận hành hồ chứa thủy điện quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan phải tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong đó, phải đặc biệt quan tâm thực hiện các quy định về công tác chuẩn bị phòng, chống lũ; vận hành xả lũ, phát

điện; xả dòng chảy tối thiểu cho hạ du; chế độ phối hợp, thông tin, báo cáo theo quy định.

6. Định kỳ, hàng quý trong mùa kiệt và hàng tháng trong mùa lũ, Chủ đập thủy điện phải có văn bản báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh và Sở Công Thương khu vực dự án về việc vận hành hồ chứa.

Điều 25. Vận hành nhà máy thủy điện trong hệ thống điện quốc gia

1. Trước khi vận hành thương mại, Chủ đầu tư dự án phải được các cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động điện lực theo quy định của Luật Điện lực và xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP.

2. Trong quá trình vận hành phát điện lên lưới điện quốc gia, đơn vị quản lý khai thác nhà máy thủy điện phải tuân thủ phương thức vận hành, lệnh chỉ huy, điều độ của đơn vị điều độ hệ thống điện; tuân thủ các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật về vận hành nhà máy điện, lưới điện; tuân thủ quy định về an toàn đập thủy điện và quy trình vận hành hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 26. Bảo trì công trình thủy điện

Việc bảo trì công trình thủy điện thực hiện theo quy định tại Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Điều 27. Kiểm tra, giám sát trong quá trình vận hành khai thác công trình thủy điện

Hàng năm, Bộ Công Thương phối hợp với UBND tỉnh khu vực dự án và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa và Giấy phép hoạt động điện lực của các công trình thủy điện đã vận hành khai thác.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Năng lượng có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn và phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh có dự án thủy điện kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. UBND các tỉnh có dự án thủy điện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Định kỳ 6 tháng, trước ngày 20 tháng 6 và trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, UBND các tỉnh có dự án thủy điện báo cáo Bộ Công Thương về tình hình thực hiện quy hoạch, đầu tư xây dựng các dự án thủy điện và vận hành khai thác các công trình thủy điện trên địa bàn.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ¹⁰ tháng 02 năm 2013. Các quy định, văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương (trước đây là Bộ Công nghiệp) đã ban hành liên quan đến quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện trái với quy định tại Thông tư này đều bị bãi bỏ.

2. Các quy hoạch thủy điện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo quyết định đã ban hành.

3. Việc điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch thủy điện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Bộ Công Thương (thông qua Tổng cục Năng lượng) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website: Chính phủ, BCT;
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Lưu: VT, PC, TCNL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Dương Quang

PHỤ LỤC 1:

NỘI DUNG, SẢN PHẨM QUY HOẠCH THỦY ĐIỆN

(Kèm theo Thông tư số 43 /2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

A. THUYẾT MINH CHUNG

Mở đầu

- A. Mục đích và yêu cầu
- B. Phạm vi, quy mô và các bước thực hiện
- C. Cơ sở pháp lý
- D. Các tài liệu đã sử dụng
- Đ. Các tiêu chí lựa chọn công trình
- E. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng

Chương I. Điều kiện tự nhiên khu vực nghiên cứu

I.1. Địa lý tự nhiên

- I.1.1. Vị trí địa lý
- I.1.2. Địa hình, địa mạo
- I.1.3. Đặc điểm sông ngòi
- I.1.4. Đặc điểm địa chất
- I.1.5. Khoáng sản
- I.1.6. Tiềm năng thủy điện khu vực nghiên cứu

I.2. Điều kiện khí hậu khu vực nghiên cứu

- I.2.1. Khái quát, mức độ nghiên cứu khí tượng
- I.2.2. Các đặc điểm khí hậu lưu vực: Chế độ mưa, chế độ nhiệt, độ ẩm không khí, gió, bốc hơi...

I.3. Điều kiện thủy văn

- I.3.1. Mức độ quan trắc thủy văn trong lưu vực và lân cận
- I.3.2. Dòng chảy năm và chuỗi dòng chảy năm
 - a. Chuẩn dòng chảy năm tại các tuyến công trình
 - b. Lưu lượng dòng chảy năm thiết kế tại tuyến công trình

- c. Chuỗi dòng chảy tháng và phân phối dòng chảy năm
- d. Đường duy trì lưu lượng ngày đêm (đối với dự án thủy điện điều tiết ngày đêm)

I.3.3. Dòng chảy lũ

I.3.4. Dòng chảy lớn nhất, nhỏ nhất mùa kiệt

I.3.5. Dòng chảy bùn cát

I.3. Điều kiện địa chất và động đất kiến tạo của khu vực

I.4. Kết luận và kiến nghị

Chương II. Dân sinh, kinh tế - xã hội khu vực nghiên cứu

II.1. Điều kiện dân sinh, kinh tế - xã hội

II.2. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội

Chương III. Hiện trạng và quy hoạch khai thác, sử dụng nguồn nước trên lưu vực nghiên cứu

III.1. Hiện trạng khai thác, sử dụng nguồn nước

III.2. Quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước

III.3. Nhu cầu nước và dòng chảy tối thiểu trên lưu vực

III.4. Thực trạng quản lý, khai thác các nhà máy thủy điện

Chương IV. Đề xuất quy hoạch thủy điện cho lưu vực nghiên cứu

IV.1. Nguyên tắc chung

IV.2. Phương án đề xuất quy hoạch thủy điện

IV.3. Đánh giá sự phù hợp của quy hoạch thủy điện

Chương V: Tính toán, lựa chọn các thông số thủy năng

V.1. Mục đích, nhiệm vụ

V.2. Tài liệu cơ bản sử dụng để tính toán

V.3. Nguyên tắc, cơ sở và các bước tính toán.

V.3.1. Nguyên tắc

V.3.2. Cơ sở tính toán

V.3.3. Lựa chọn tuyến công trình và các thông số chính

Phân tích lựa chọn tuyến công trình; tính toán, lựa chọn các thông số chính của hồ chứa và nhà máy: mực nước dâng bình thường MNDBT, mực nước chết MNC, mực nước lũ thiết kế MNLTK,

mức nước lũ kiểm tra MNLKT, dung tích hữu ích W_{hi} , dung tích chết W_c , dung tích phòng lũ W_{pl} (nếu có), công suất đảm bảo N_{db} , công suất lắp máy N_{lm} , điện lượng bình quân năm E_o và số tổ máy.

V.4. Kết quả tính toán thủy năng

Chương VI: Công trình và thiết bị

VI.1. Tài liệu sử dụng

VI.2. Công trình thủy công

VI.2.1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng

VI.2.2. Đập dâng

VI.2.3. Tràn xả lũ

VI.2.4. Tuyên năng lượng

VI.3. Bố trí công trình

Thuyết minh thiết kế công trình cho từng dự án được lựa chọn.

VI.4. Thiết bị công nghệ

VI.4.1. Thiết bị cơ khí thủy lực

VI.4.2. Thiết bị cơ khí thủy công

Chương VII. Hiện trạng lưới điện và đầu nối trong khu vực

VI.1. Hiện trạng cấp điện: nguồn điện, công trình lưới điện

VI.2. Kế hoạch phát triển nguồn điện

VI.3. Kế hoạch phát triển lưới điện cao thế

VI.4. Kế hoạch phát triển lưới điện trung thế

VI.5. Phương án dự kiến đầu nối các nhà máy thủy điện vào lưới điện

VI.6. Khối lượng xây dựng công trình đầu nối điện

Chương VIII: Tổ chức thi công

VIII.1. Giới thiệu chung đặc điểm các công trình

VIII.2. Bố trí mặt bằng thi công

VIII.3. Giao thông trong và ngoài công trường

VIII.3.1. Đường giao thông ngoài công trường

VIII.3.2. Đường giao thông nội bộ

VIII.4. Dẫn dòng thi công

VIII.4.1 Công tác dẫn dòng thi công, chặn dòng

VIII.4.2. Biện pháp, quy cách công trình dẫn dòng

a) Biện pháp dẫn dòng

b) Quy cách các công trình dẫn dòng

VIII.5. Biện pháp thi công

VIII.5.1. Công tác đào, đắp đất đá và đổ bê tông

VIII.5.2. Công tác vận chuyển và lắp đặt thiết bị

VIII.5.3. Khai thác và chuẩn bị vật liệu xây dựng

VIII.5.4. Thiết bị xe máy thi công

VIII.5.5. Tổng hợp khối lượng và tiến độ dự kiến

VIII.6. Kết luận

Chương IX: Ước toán giá thành

IX.1. Căn cứ lập Tổng mức đầu tư sơ bộ

IX.2. Chi phí của các dự án

Gồm các chi phí: đầu tư xây dựng công trình thủy điện; đền bù giải phóng mặt bằng; di dân, tái định cư; công trình giao thông trong và ngoài công trường; công trình đấu nối điện; trồng hoàn trả rừng; tư vấn đầu tư xây dựng công trình và các chi phí khác theo quy định.

IX.3. Tổng mức đầu tư sơ bộ của các dự án

Chương X. Đánh giá tác động đối với môi trường - xã hội

X.1. Di dân, tái định cư

Số hộ dân phải di dời, tái định cư; sơ bộ dự kiến phương án và vị trí tái định cư.

X.2. Tồn thất, chiếm dụng đất đai và tài nguyên khác

a) Khu vực lòng hồ

b) Mặt bằng công trình và hệ thống giao thông

c) Khu vực dự kiến di dân, tái định cư

X.3. Đánh giá môi trường chiến lược

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ.

X.4. Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực

X.5. Kết luận, kiến nghị

Chương XI. Phân tích kinh tế- tài chính

XI.1. Cơ sở

XI.2. Mục tiêu phân tích hiệu ích kinh tế- tài chính

XI.3. Phân tích hiệu ích kinh tế - tài chính của các dự án

Tính toán, phân tích các chỉ tiêu: Tỷ suất hoàn vốn nội bộ IRR, giá trị hiện tại thuần NPV, tỷ số lợi ích - chi phí B/C và thời gian hoàn vốn T_{hv}

XI.4. Số liệu đầu vào để tính toán phân tích

XI.5. Tiêu chuẩn xếp hạng kỹ thuật - kinh tế và môi trường - xã hội

XI.6. Kết quả đánh giá xếp hạng

XI.7. Kết luận về phân tích kinh tế - tài chính.

Kết luận và kiến nghị

A. Kết luận

B. Kiến nghị

B. CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Kết quả tính toán các đặc trưng khí tượng, thủy văn của các dự án

Phụ lục 2: Kết quả tính toán thủy năng, thủy lợi

Phụ lục 3: Tính toán thủy lực công trình

Phụ lục 4: Các thông số kỹ thuật chính của công trình

C. BẢN ĐỒ, BẢN VẼ

1. Bản đồ vị trí các công trình được lựa chọn quy hoạch (trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 đến 1/25.000)

2. Tập bản vẽ của các dự án nghiên cứu trong quy hoạch gồm:

a) Bản vẽ bố trí tổng thể công trình (trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000)

b) Bản vẽ mặt cắt ngang sông tại vị trí tuyến đập và cửa ra của nhà máy

c) Mặt cắt dọc sông từ vị trí đập dâng đến tuyến nhà máy (đối với nhà máy thủy điện kiểu đường dẫn)

d) Các mặt cắt dọc tuyến áp lực, tuyến năng lượng

đ) Mặt cắt ngang: đập dâng, đập tràn, nhà máy, kênh, đường hầm, đường ống (nếu có).

PHỤ LỤC 2:
CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY TRÌNH VẬN HÀNH
HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

*(Kèm theo Thông tư số 43 /2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

I. Nguyên tắc chung

1. Các quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ, vận hành khai thác hồ chứa phải tuân thủ.

2. Các nhiệm vụ vận hành của công trình theo thứ tự ưu tiên: Đảm bảo an toàn công trình, cắt giảm lũ cho hạ du, phát điện, điều tiết lưu lượng cho hạ du...

3. Các thông số chính của công trình: Tên công trình; địa điểm xây dựng công trình; các thông số chính của hồ chứa và công trình; các thông số về thiết bị có liên quan (số tổ máy, lưu lượng đơn vị tổ máy, đặc tính kỹ thuật của các thiết bị đóng mở)...

4. Trình tự và phương thức vận hành đóng, mở các cửa van đập tràn trong quá trình xả lũ (đối với đập tràn có cửa van) để đảm bảo an toàn cho công trình và hạ du.

5. Quy trình vận hành, bảo dưỡng thiết bị cơ khí thủy công, thủy lực của công trình.

6. Quy định vận hành theo quy trình vận hành liên hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với các hồ chứa có liên quan).

II. Quy định về vận hành công trình điều tiết lũ

1. Quy định về lũ, các thời kỳ lũ (sớm, chính vụ, muộn) và mực nước hồ chứa cần khống chế trong các thời kỳ lũ.

2. Quy định vận hành các hạng mục công trình và thiết bị có liên quan để điều tiết cắt giảm lũ (nếu có) và xả lũ, đảm bảo mức nước hồ không vượt quá mức quy định trong mọi trường hợp.

3. Các yếu tố cần quan trắc (mực nước, lưu lượng) và chế độ quan trắc phục vụ vận hành hồ chứa.

4. Các hiệu lệnh thông báo tương ứng với các thao tác vận hành xả nước.

5. Nguyên tắc phối hợp giữa các công trình cắt giảm lũ và phân lũ (nếu có).

III. Vận hành phát điện và xả dòng chảy tối thiểu cho hạ du

1. Quy định về việc vận hành xả đáp ứng dòng chảy tối thiểu cho hạ du theo giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt được cấp có thẩm quyền cấp và quy trình vận hành liên hồ chứa được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

2. Chế độ vận hành của nhà máy thủy điện trong hệ thống; nguyên tắc phối hợp vận hành đảm bảo nhiệm vụ phát điện, xả dòng chảy tối thiểu cho hạ du và các nhiệm vụ lợi dụng tổng hợp khác (nếu có).

3. Yêu cầu về dao động mức nước hạ du để hạn chế tác động tiêu cực đối với hạ du do chế độ vận hành của nhà máy thủy điện (nếu có).

IV. Quy định trách nhiệm và tổ chức vận hành hồ chứa

1. Trách nhiệm của cơ quan, cá nhân phát lệnh vận hành.

2. Trách nhiệm của cơ quan, cá nhân thực hiện lệnh vận hành.

3. Trách nhiệm thông báo lệnh tới các nơi bị ảnh hưởng bởi việc thao tác cửa van.

4. Trách nhiệm về an toàn công trình.

5. Nguyên tắc xử lý sự cố trong vận hành công trình.

6. Trách nhiệm kiểm tra công trình và hồ chứa trước và sau mùa lũ.

7. Trách nhiệm xử lý các khiếm khuyết, hư hỏng liên quan tới công trình, thiết bị đảm bảo khai thác, vận hành an toàn công trình thủy công và hồ chứa trong mùa lũ.

8. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan khác.

V. Các phụ lục kèm theo quy trình vận hành hồ chứa

1. Các thông số chính của công trình và hồ chứa.

2. Số liệu và biểu đồ quan hệ đặc trưng hồ chứa.

3. Số liệu và biểu đồ quan hệ lưu lượng - mực nước hạ lưu công trình.

4. Số liệu và biểu đồ đường quan hệ độ mở cửa van (đối với công trình có cửa van điều tiết lũ).

5. Số liệu và biểu đồ quan hệ mực nước hồ chứa - lưu lượng xả qua tràn.

6. Số liệu và biểu đồ điều phối vận hành hồ chứa (nếu có)./.